

BIỂU GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC KHỐI SỞ, NGÀNH NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2024			SỐ VIÊN CHỨC HIỆN CÓ			SỐ VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU CÒN LẠI CỦA NĂM 2024	SỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC CÒN CHƯA SỬ DỤNG		SỐ BIÊN CHẾ CÒN PHẢI TÍNH GIẢM (6%)	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH		KẾ HOẠCH NĂM 2025				Ghi chú				
			Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024		Lý do	Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024		Lý do	Tổng cộng	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN		Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			
													Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			Lý do		Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024	Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024
1	2	3	4=(5)+(6)	5	6	7=(8)+(9)	8	9	10	11=(5)+(8)	12=(6)+(9)	13	14	15	16	17	18	19	20=(21)+(23)	21	22=(21)-(5)	23	24=(23)-(6)	25	
	TỔNG CỘNG		15 973	15 676	297	13 784	13 714	70	39	1 962	227	980	101	62		- 251	255		16 114	15 562	- 114	552	255		
1	Văn phòng UBND Thành phố		30	30		29	29			1		2	4			4			34	34	4				
1	Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố		30	30		29	29			1		2	4		Bổ sung biên chế sau khi điều chuyển cho TT Phục vụ HCC	4		Thông nhất với đề xuất của đơn vị	34	34	4				
2	Sở Thông tin và Truyền thông		56	56		47	47			9		3							56	56					
1	Trung tâm Báo chí Thủ đô Hà Nội		18	18		13	13			5		1							18	18					
2	Trung tâm Dữ liệu nhà nước		38	38		34	34			4		2							38	38					
3	Sở Nội vụ		31	31		21	21		1	10		2							31	31					
1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		31	31		21	21		1	10		2							31	31					
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		707	662	45	621	593	28	2	69	17	37							707	662		45			
1	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai Hà Nội		107	107		102	102			5		6							107	107					
2	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội		56	56		49	49			7		4							56	56					
3	Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội		81	81		81	81					2							81	81					
4	Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội		25	25		20	20			5		1							25	25					
5	Trung tâm Khuyến nông Hà Nội		68	68		60	60			8		3							68	68					
6	Trung tâm Phát triển nông nghiệp Hà Nội		103	103		78	78			25		8							103	103					
7	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới Hà Nội		45	45		39	39			6		2							45	45					
8	Ban quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng Hà Nội		62	62		51	51			11		3							62	62					
9	Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội	10%	44	42	2	40	40			2	2	3							44	42		2			
10	Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội	49%	116	73	43	101	73	28	2		15	5							116	73		43			
5	Sở Công Thương		66	61	5	52	52			9	5	4	- 2	2		- 2	2		66	59	- 2	7	2		
1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	16%	66	61	5	52	52			9	5	4	- 2	2	Tính giảm biên chế hưởng lương NSNN để chuyển sang hưởng lương NTSN của đơn vị	- 2	2	Thông nhất với đề xuất của đơn vị	66	59	- 2	7	2		
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư		38	29	9	36	29	7			2	2							38	29		9			
1	Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp Hà Nội	14%	38	29	9	36	29	7			2	2							38	29		9			
7	Sở Tài chính		16	16		9	9			7		1							16	16					
1	Trung tâm Mua sắm tài sản công và thông tin tư vấn tài chính		16	16		9	9			7		1							16	16					

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2024			SỐ VIÊN CHỨC HIỆN CÓ			SỐ VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU CÒN LẠI CỦA NĂM 2024	SỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC CÒN CHƯA SỬ DỤNG		SỐ BIÊN CHẾ CÒN PHẢI TÍNH GIẢN (6%)	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ			Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			KẾ HOẠCH NĂM 2025					Ghi chú
			Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024			Lý do	Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024		Lý do	Tổng cộng	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN		Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
										Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024	Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024			
1	2	3	4=(5)+(6)	5	6	7=(8)+(9)	8	9	10	11=(5)-(8)	12=(6)-(9)	13	14	15	16	17	18	19	20=(21)+(23)	21	22=(21)-(5)	23	24=(23)-(6)	25
8	Sở Giao thông vận tải		70	70		69	69			1		4	93			10			80	80	10			
1	Trung tâm Quản lý và điều hành giao thông thành phố Hà Nội		70	70		69	69			1		4	93	1. Bổ sung nhiệm vụ quản lý và bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt đô thị (từ tháng 5/2024), Trung tâm cần thêm nhân lực với chuyên môn về cầu đường sắt, xây dựng, CNTT - Thông tin tin hiệu; Điện, điện tử, điện lạnh, cơ điện; nhân sự làm công tác tổng hợp có chuyên môn về quản lý dự án, xây dựng và bóc tách dự án. 2. Hiện Trung tâm đang thực hiện tuyển dụng đối với 11/12 chỉ tiêu còn chưa sử dụng		10	Trước mắt giao bổ sung 10 biên chế viên chức hưởng lương NSNN để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ do Trung tâm là ĐVSN do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên	80	80	10				
9	Sở Khoa học và Công nghệ		71	60	11	33	33		2	27	11	4						71	60		11			
1	Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ	21%	19	17	2	12	12			5	2	1						19	17		2			
2	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	11%	37	29	8	21	21		2	8	8	2	14	1	Năm 2024 thực hiện sáp nhập TT Kỹ thuật TCĐLCL vào TT Ứng dụng	14	1	Thống nhất với đề xuất của đơn vị	52	43	14	9	1	
3	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng		15	14	1					14	1	1	- 14	- 1		- 14	- 1				- 14		- 1	
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		1 095	1 083	12	1 058	1 046	12	4	37		69	- 18			- 41			1 054	1 042	- 41	12		
1	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội		68	68		68	68					4			Chuyển 02 trung tâm tâm thần sang cơ chế tự chủ, giảm trừ tình giảm biên chế theo quy định và điều hòa số còn lại trong nội bộ ngành cho các đơn vị còn thiếu so với định mức do số lượng đối tượng tăng lên			Thống nhất phương án phân bổ biên chế viên chức NSNN của 02 trung tâm tâm thần đã chuyển sang cơ chế tự chủ đối với các đơn vị thuộc khối cơ sở cai nghiện ma túy, bảo trợ xã hội, người có công do số lượng đối tượng tăng, số biên chế được giao còn thiếu so với định mức quy định của Bộ LĐTBXH. Đơn vị đã giảm trừ tỉ lệ tính giản theo quy định.	68	68				
2	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2 Hà Nội		79	79		77	77			2		5	3			3			82	82	3			
3	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 3 Hà Nội		50	50		49	49			1		3							50	50				
4	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 4 Hà Nội		80	80		78	78			2		5							80	80				
5	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 5 Hà Nội		44	44		42	42			2		3							44	44				
6	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội		69	69		65	65			4		4	6			6			75	75	6			
7	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội		87	87		87	87					5	3			3			90	90	3			
8	Trung tâm Chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần số 1 Hà Nội		50	50		49	49		1	1		3	- 50			- 50					- 50			
9	Trung tâm Chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần số 2 Hà Nội		65	65		61	61			4		4	- 65			- 65					- 65			
10	Trung tâm Chăm sóc người khuyết tật Hà Nội		26	26		24	24			2		2	5			5			31	31	5			
11	Trung tâm Phục hồi chức năng Việt - Hàn		25	25		25	25					2	5			5			30	30	5			
12	Trung tâm Bảo trợ xã hội 1 Hà Nội		33	33		31	31			2		2	2			2			35	35	2			
13	Trung tâm Bảo trợ xã hội 2 Hà Nội		24	24		24	24					2	7			7			31	31	7			
14	Trung tâm Bảo trợ xã hội 3 Hà Nội		37	37		37	37		1			2	1			1			38	38	1			
15	Làng trẻ em Birla Hà Nội		24	24		21	21			3		2	2			2			26	26	2			
16	Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội		24	24		22	22			2		2	4			4			28	28	4			
17	Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em Hà Nội		51	51		48	48			3		3	2			2			53	53	2			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2024			SỐ VIÊN CHỨC HIỆN CÓ			SỐ VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU CÒN LẠI CỦA NĂM 2024	SỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC CÒN CHƯA SỬ DỤNG		SỐ BIÊN CHẾ CÒN PHẢI TÍNH GIẢN (6%)	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ		Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			KẾ HOẠCH NĂM 2025					Ghi chú	
			Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024			Lý do	Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024		Lý do	Tổng cộng	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN		Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
										Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024	Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024			
1	2	3	4=(5)+(6)	5	6	7=(8)+(9)	8	9	10	11=(5)-(8)	12=(6)-(9)	13	14	15	16	17	18	19	20=(21)+(23)	21	22=(21)-(5)	23	24=(23)-(6)	25
18	Trung tâm Chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội		35	35		34	34			1		2	5			5			40	40	5			
19	Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công số 1 Hà Nội		31	31		30	30		1	1		2	4			4			35	35	4			
20	Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội		24	24		23	23			1		2	6			6			30	30	6			
22	Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công số 3 Hà Nội		24	24		24	24		1			2	5			5			29	29	5			
21	Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công số 4 Hà Nội		34	34		33	33			1		2							34	34				
23	Trung tâm Điều dưỡng người có công Hà Nội		28	28		28	28					2	4			4			32	32	4			
24	Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội	15%	83	71	12	78	66	12		5		4	33		Đề đảm bảo số lượng HD định suất theo quy định của Bộ LĐTĐXH (nay đã cắt) hiện có tại đơn vị	10		Trước mắt, giao bổ sung 10 biên chế do còn biên chế chưa sử dụng. UBND Thành phố cũng đã ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN đối với Trung tâm Dịch vụ việc làm HN (theo Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 10/6/2024)	93	81	10	12		
11	Sở Giáo dục và Đào tạo		10 665	10 657	8	9 279	9 279		21	1 378	8	670				- 216	216		10 802	10 578	- 79	224	216	
1	Khối THPT		10 377	10 369	8	9 042	9 042		21	1 327	8	652				- 216	216	Đề xuất chuyển 2% biên chế viên chức hưởng lương NSNN sang hưởng lương từ NTSN của đơn vị để bổ sung cho các đơn vị có nhu cầu (thành lập mới theo NQ Luật Thủ đô) do các trường đã thực hiện cơ chế đặt hàng giao nhiệm vụ	10 377	10 153	- 216	224	216	
2	Khối trường trung cấp chuyên nghiệp		54	54		47	47			7		3							54	54				
3	Khối các trường chuyên biệt		234	234		190	190			44		15							371	371	137			
12	Sở Y tế		1 782	1 669	113	1 530	1 514	16	4	155	97	104	- 19	55		- 34	32		1 780	1 635	- 34	145	32	
a	Khối Bệnh viện		972	937	35	816	816		1	121	35	58	- 15	15		- 15	15		972	922	- 15	50	15	
1	Bệnh viện 09		143	143		136	136			7		9							143	143				
2	Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương		54	54		53	53			1		3							54	54				
3	Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức		183	183		163	163			20		11							183	183				
4	BV Tâm thần Hà Nội	12%	339	318	21	316	316		1	2	21	20							339	318		21		
5	BV Phục hồi chức năng	54%	144	130	14	127	127			3	14	8	- 15	15	Đơn vị nâng mức độ tự chủ tài chính	- 15	15	Thông nhất với đề xuất của đơn vị	144	115	- 15	29	15	
6	BV Nhi Hà Nội	14%	109	109		21	21			88		7							109	109				
b	Khối Trung tâm chuyên khoa		810	732	78	714	698	16	3	34	62	46	- 4	40		- 19	17		808	713	- 19	95	17	
1	Khu Điều trị phong Quốc Oai thuộc Bệnh viện Da liễu Hà Nội		12	12		9	9			3		1							12	12				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2024			SỐ VIÊN CHỨC HIỆN CÓ			SỐ VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU CÒN LẠI CỦA NĂM 2024	SỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC CÒN CHƯA SỬ DỤNG		SỐ BIÊN CHẾ CÒN PHẢI TÍNH GIÁN (6%)	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ			Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			KẾ HOẠCH NĂM 2025					Ghi chú
			Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024			Lý do	Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024		Lý do	Tổng cộng	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN		Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
										Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024	Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024			
1	2	3	4=(5)+(6)	5	6	7=(8)+(9)	8	9	10	11=(5)+(8)	12=(6)+(9)	13	14	15	16	17	18	19	20=(21)+(23)	21	22=(21)-(5)	23	24=(23)-(6)	25
2	Trung tâm Cấp cứu 115	46%	158	125	33	136	125	11			22	8							158	125		33		
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội	51%	445	408	37	397	397		3	11	37	26							445	408		37		
4	Trung tâm Giám định y khoa	48%	52	52		47	47			5		3							52	52				
5	Trung tâm Pháp y	71%	52	49	3	50	49	1			2	3	- 2	35	Đơn vị nâng mức độ tự chủ tài chính	- 2	12	Trước mắt điều chỉnh biên chế theo Đề án VTVL của đơn vị	62	47	- 2	15	12	
6	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	30%	76	71	5	75	71	4			1	4	- 2	5	Theo Đề án VTVL của đơn vị	- 2	5	Thông nhất với đề xuất của đơn vị	79	69	- 2	10	5	
7	Trung tâm Tư vấn dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Hà Nội		15	15						15		1				- 15		Trung tâm đã sáp nhập vào Bệnh viện Phụ sản HN (đơn vị tự chủ)			- 15			
13	Sở Văn hóa và Thể thao		1 060	996	64	789	789		5	207	64	62	- 8	5		- 8	5		1 057	988	- 8	69	5	
1	Nhà hát Kịch Hà Nội	18%	78	78		44	44			34		5							78	78				
2	Nhà hát Cải lương Hà Nội	15%	97	97		74	74		2	23		6							97	97				
3	Bảo tàng Hà Nội	14%	109	101	8	77	77			24	8	6							109	101		8		
4	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao	14%	315	289	26	253	253		2	36	26	18	- 6	6	Đơn vị nâng mức tự chủ	- 6	6	Thông nhất với đề xuất của đơn vị	315	283	- 6	32	6	
5	Trường Phổ thông Năng khiếu Thể dục Thể thao	18%	65	65		61	61			4		4							65	65				
6	Nhà hát Chèo Hà Nội	15%	102	102		73	73			29		6							102	102				
7	Nhà hát Ca múa Nhạc Thăng Long	22%	46	46		29	29			17		3							46	46				
8	Nhà hát Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Hà Nội	27%	38	38		23	23			15		2							38	38				
9	Thư viện Hà Nội	13%	59	59		52	52		1	7		4							59	59				
10	Trung tâm Văn hóa Thành phố	19%	98	79	19	62	62			17	19	5							98	79		19		
11	Trung tâm Thông tin Triển lãm Hà Nội	40%	53	42	11	41	41			1	11	3	- 2	- 1	Tinh giản biên chế	- 2	- 1	Thông nhất với đề xuất của đơn vị	50	40	- 2	10	- 1	
14	Sở Tư pháp		84	82	2	73	73			9	2	6							84	82		2		
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý		74	74		68	68			6		5							74	74				
2	Phòng Công chứng số 10	30%	10	8	2	5	5			3	2	1							10	8		2		
15	Sở Tài nguyên và Môi trường		116	91	25	95	90	5		1	20	5							116	91		25		
1	Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội	35%	86	69	17	74	69	5			12	4							86	69		17		
2	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường Hà Nội	17%	30	22	8	21	21			1	8	1							30	22		8		
16	Sở Quy hoạch kiến trúc		24	24		14	14			10		2							24	24				
1	Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc	17%	24	24		14	14			10		2							24	24				
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất		23	20	3	22	20	2			1	1							23	20		3		
1	Trung tâm Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	24%	23	20	3	22	20	2			1	1							23	20		3		
18	Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc		35	35		7	7			28		2							35	35				
1	Trung tâm Ươm tạo và Đào tạo Công nghệ cao	18%	35	35		7	7			28		2							35	35				
19	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố		4	4						4			51			36			40	40	36			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2024			SỐ VIÊN CHỨC HIỆN CÓ			SỐ VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU CÒN LẠI CỦA NĂM 2024	SỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC CÒN CHƯA SỬ DỤNG		SỐ BIÊN CHẾ CÒN PHẢI TÍNH GIẢM (6%)	ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ			Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			KẾ HOẠCH NĂM 2025					Ghi chú				
			Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024		Lý do	Tăng/giảm biên chế viên chức so với năm 2024		Lý do	Tổng cộng	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN		Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị						
													Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị			Lý do	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Lý do		Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024	Tổng số	Tăng/giảm so với năm 2024
1		3	4=(5)+(6)	5	6	7=(8)+(9)	8	9	10	11=(5)-(8)	12=(6)-(9)	13	14	15	16	17	18	19	20=(21)+(23)	21	22=(21)-(5)	23	24=(23)-(6)	25				
1	Trung tâm Quản trị hệ thống và Phát triển ứng dụng		2	2						2			28		Theo Đề án VTVL dự kiến của đơn vị	18		Trước mắt giao biên chế 20 biên chế/đơn vị để đảm bảo bộ khung	20	20	18							
2	Trung tâm Hỗ trợ và chăm sóc khách hàng		2	2						2			23			18			20	20	18							